

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 11 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 459/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn M, sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, thể hiện:*

Về hôn nhân: Bà P và ông Hồ Văn M chung sống vào năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, bà P xác định không thể quay lại chung sống nên xin ly hôn với ông M.

Về con chung, gồm: Hồ Ánh Ng, sinh năm 1977, Hồ Hoàng Đ, sinh năm 1978, Hồ Hoàng N, sinh năm 1980 và Hồ Kim L, sinh năm 1985, đều trưởng thành.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, về các vấn đề khác: Không có.

** Đối với ông Hồ Văn M:* Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông M không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Hồ Văn M đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông M, thấy rằng: Các đương sự chung sống vào năm 1977 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn việc áp dụng khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của bà P và ông M được xác định là hôn nhân thực tế và được công nhận là hôn nhân hợp pháp nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét yêu cầu xin ly hôn của bà P theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà P, thấy rằng: Mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu xin ly hôn của bà P nhưng ông M không có ý kiến gì; qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông M đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông M không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà P ly hôn với ông M là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện điều trưởng thành, không có chứng cứ khác để chứng minh những người con này bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà P xác định tự thỏa thuận với ông M, về các vấn đề khác: Bà P xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P là người cao tuổi và có đơn nên được miễn đối với án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P. Cho bà P được ly hôn với ông Hồ Văn M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho bà P.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn